TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN E** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2022/HNGĐ-ST
Ngày 22 - 09 - 2022.
"V/v: Kiện ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Tuyển và ông Nguyễn Khắc Vũ.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hằng Nga - Cán bộ Toà án nhân dân huyện E.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 22/09/2022 tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện E xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 201/2022/TLST-HNGĐ, ngày 24/5/2022 về việc "Kiện ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2022/QĐ-HPT, ngày 05/09/2022 của Tòa án nhân dân huyện E, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Khuất Thị T - sinh năm 1995; Hộ khẩu thường trú: Thôn a, xã R, huyện E, tỉnh Đăk Lăk; Hiện cư trú tại: Thôn b, xã S, huyện E, tỉnh Đăk Lăk. Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Th - sinh năm 1993; Hộ khẩu thường trú: Thôn a, xã R, huyện E, tỉnh Đăk Lăk. hiện đăng ký tạm trú tại: Thôn c, D, huyện E, tỉnh Đăk Lăk. Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Khuất Thị T trình bày:

Chị Khuất Thị T và anh Nguyễn Văn Th tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện E, tỉnh Đăk Lăk. Thời gian chung sống hạnh phúc được hơn 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng hay cãi vã nhau dẫn đến không còn tình cảm với nhau trong cuộc sống. Đến nay, cảm thấy cuộc sống gia đình ngày càng căng thẳng không thể hòa giải được, các bên không còn tình cảm với nhau nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn Th.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị Khuất Thị T và anh Nguyễn Văn Th có 01 con chung là: Nguyễn Văn D - sinh ngày 25/12/2014.

Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, chị Khuất Thị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh Th cấp dưỡng phí tổn nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Văn Th đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng anh Nguyễn Văn Th vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh Th về yêu cầu khởi kiện của chị T. Tại phiên tòa, anh Th vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thu thập tài liệu chứng cứ, Tòa án đã thu thập đầy đủ và đúng trình tự theo quy định pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện việc chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Khuất Thị T về việc ly hôn với anh Nguyễn Văn Th. Về con chung: đề nghị giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: Chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Chị Khuất Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung với anh Nguyễn Văn Th là "Kiện ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện E theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Th đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2, nhưng anh Nguyễn Văn Th vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn chị Khuất Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được và tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Khuất Thị T và anh Nguyễn Văn Th chung sống với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện E, tỉnh Đăk Lăk theo giấy chứng nhận kết hôn số 302, quyển số 01/2014 ngày

29/10/2014 là trên cơ sở tự nguyện, nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh Th sinh sống, thì không rõ mâu thuẫn giữa chị T và anh Th. Mặt khác, theo trình bày của chị T, anh Th và chị T thường xảy ra mâu thuẫn, giữa hai người không còn tình cảm với nhau. Thực tế hiện tại chị T và anh Th sinh sống hai nơi khác nhau, chị T đã về chung sống với mẹ, không còn chung sống với anh Th nữa. Xét thấy, giữa hai bên không còn tình cảm và tôn trọng lẫn nhau với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị T yêu cầu ly hôn với anh Th là có căn cứ, cần chấp nhận.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị T và anh Th có với nhau 01 con chung là Nguyễn Văn D - sinh ngày 25/12/2014.

Nguyện vọng của chị T là muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Tại bản tự khai đề ngày 17/6/2022, cháu Dân có nguyện vọng ở với mẹ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Th không có mặt tại Tòa án để thể hiện ý chí của mình về quan hệ hôn nhân và yêu cầu về việc nuôi dưỡng con chung. Do đó cần thiết giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp với nguyện vọng của chị T và đảm bảo quyền lợi của con chung.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

Anh Th có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí HNGĐ-ST, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho chị Khuất Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Th.

- Về con chung: Giao các con chung Nguyễn Văn D - sinh ngày 25/12/2014 cho chị Khuất Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Văn Th có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và trợ cấp phí tổn nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

- Về án phí:

Chị Khuất Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí HNGĐ-ST, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án huyện E theo Biên lai số 60AA/2021/0000902 ngày 19/5/2022.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được quy định theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- *Các đương sự;*
- *Viện KSND huyện E;*
- *Thi hành án huyện E;*
- *Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk;*
- *UBND xã S,huyện E;*
- *Lưu hồ sơ, vi tính.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
Đã ký tên đóng dấu

Nguyễn Thị Bích Thủy